

Số: **13** /2019/NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày **06** tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 4 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh
Sửa đổi, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2016/NQ14 ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 2600/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016-2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 4 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Sửa đổi, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh:

1. Khoản 1 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh - tỉnh quản lý là 6.128,705 tỷ đồng (ngân sách tập trung: 1.431,757 tỷ đồng, xô số kiến thiết: 4.034,048 tỷ đồng, nguồn giảm vốn điều lệ, giảm trích quỹ dự phòng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xô số kiến thiết Tây Ninh: 155,9 tỷ đồng, nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương năm 2017 cho ngân sách địa phương: 150 tỷ đồng, nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2018: 150 tỷ đồng, nguồn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp năm 2018: 207 tỷ đồng), gồm:

- Chuẩn bị đầu tư: 168 tỷ đồng;
- Thực hiện đầu tư: 5.771,885 tỷ đồng;
- Thanh toán khối lượng: 188,82 tỷ đồng.

2. Điểm a khoản 1 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Lĩnh vực Giao thông

Kế hoạch vốn là 2.959,11 tỷ đồng (Xô số kiến thiết: 2.369,008 tỷ đồng, nguồn giảm vốn điều lệ, giảm trích quỹ dự phòng của Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Tây Ninh: 155,9 tỷ đồng, nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương năm 2017 cho ngân sách địa phương: 77,702 tỷ đồng, nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2018: 150 tỷ đồng, nguồn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp năm 2018: 207 tỷ đồng), đầu tư 34 dự án, bao gồm:

- Dự án chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016-2020: 06 dự án với tổng vốn đầu tư là 358,46 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư mới giai đoạn 2016-2020: 28 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 2.600,65 tỷ đồng, trong đó:

+ Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020 là 13 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 1.825,65 tỷ đồng.

+ Dự kiến hoàn thành sau năm 2020: 15 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 775 tỷ đồng.

3. Điểm b khoản 1 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

b) Lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Kế hoạch vốn là 484,94 tỷ đồng (ngân sách tập trung: 172,142 tỷ đồng, xô số kiến thiết: 240 tỷ đồng, nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương năm 2017 cho ngân sách địa phương: 72,798 tỷ đồng), đầu tư 46 dự án/đề án, bao gồm:

- Dự án chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016-2020: 03 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 39,45 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư mới giai đoạn 2016-2020: 43 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 445,49 tỷ đồng.

+ Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020 là 39 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 302,49 tỷ đồng.

+ Dự kiến hoàn thành sau năm 2020: 04 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 143 tỷ đồng.

4. Điểm d khoản 1 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

d) Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và dạy nghề

Kế hoạch lĩnh vực Giáo dục, đào tạo, dạy nghề: 322,66 tỷ đồng (ngân sách tập trung: 218,54 tỷ đồng, xố số kiến thiết: 104,12 tỷ đồng) đầu tư 28 dự án, bao gồm:

- Dự án chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016-2020: 04 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 28,46 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư mới giai đoạn 2016-2020: 24 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 294,2 tỷ đồng, trong đó:

+ Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020: 20 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 259,2 tỷ đồng.

+ Dự kiến hoàn thành sau năm 2020: 04 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 35 tỷ đồng.

5. Điểm g khoản 1 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

g) Lĩnh vực Văn hóa, thể thao, xã hội

Kế hoạch vốn là 306,37 tỷ đồng (ngân sách tập trung: 68,17 tỷ đồng, xố số kiến thiết: 238,2 tỷ đồng), đầu tư 36 dự án, bao gồm:

- Dự án chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016-2020: 02 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 82,93 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư mới giai đoạn 2016-2020: 34 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 223,44 tỷ đồng, trong đó:

+ Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020: 22 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 134,44 tỷ đồng.

+ Dự kiến hoàn thành sau năm 2020: 12 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 89 tỷ đồng.

6. Điểm i khoản 1 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

i) Lĩnh vực Trụ sở cơ quan, khác

Kế hoạch vốn là 397,935 tỷ đồng (ngân sách tập trung: 270,105 tỷ đồng, xố số kiến thiết: 127,83 tỷ đồng), đầu tư 61 dự án, bao gồm:

- Dự án chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016-2020: 04 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 115,04 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư mới giai đoạn 2016-2020: 57 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến là 282,895 tỷ đồng.

+ Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020: 54 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 223,895 tỷ đồng.

+ Dự kiến hoàn thành sau năm 2020: 03 dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến 59 tỷ đồng.

7. Khoản 2 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

2. Hỗ trợ mục tiêu huyện, thành phố

Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh là 4.232,071 tỷ đồng (ngân sách tập trung: 878,716 tỷ đồng, xố số kiến thiết: 3.253,355 tỷ đồng, nguồn thoái vốn tại các Doanh nghiệp năm 2018: 0,1 tỷ đồng) hỗ trợ mục tiêu huyện, thành phố đầu tư:

a) Nông thôn mới: 1.954,797 tỷ đồng.

b) Phát triển thành phố, thị xã: 917,485 tỷ đồng.

c) Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia: 124,5 tỷ đồng.

d) Xây mới trường học thuộc Đề án Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non tại vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2017-2020: 98 tỷ đồng.

đ) Hỗ trợ khác: 1.137,289 tỷ đồng.

(Đính kèm các biểu chi tiết)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa IX, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2019.

2. Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 4 và thay thế Phụ lục Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh của Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm

2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Sửa đổi, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế Bộ KHĐT;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng ĐDBQH, HĐND & UBND tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT.VP ĐDBQH, HĐND & UBND tỉnh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Thị Điệp



KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số **13**.../2019/NQ-HĐND ngày **06** tháng **12** năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 2016-2020

STT	LĨNH VỰC	TỔNG KẾ HOẠCH	NSTT	Trong đó:					GHI CHÚ
				XSKT (BAO GỒM NGUỒN TẶNG THU NGÂN SÁCH TỈNH 2017 là 50 tỷ và 2018 là 102,403 tỷ)	NGUỒN GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ, GIẢM TRÍCH QỦY DỰ PHÒNG CỦA CÔNG TY XSKT	NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2017 CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2018	NGUỒN THOẢI VỐN NN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NĂM 2018	
	TỔNG	10.894.023	2.843.720	7.287.403	155.900	150.000	150.000	307.000	
I	TỈNH QUẢN LÝ	6.128.705	1.504.555	3.961.250	155.900	150.000	150.000	207.000	Phụ lục I
A	Chuẩn bị đầu tư	168.000	80.000	88.000					
B	Thực hiện đầu tư	5.771.885	1.335.735	3.773.250	155.900	150.000	150.000	207.000	
1	Giao thông	2.959.110		2.296.210	155.900	150.000	150.000	207.000	Bổ sung 50 tỷ đồng từ 02 nguồn: nguồn XSKT (bao gồm nguồn tặng thu NS tỉnh 2017, 2018): 38 tỷ đồng; nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW năm 2017 cho NSDP: 12 tỷ đồng
2	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	484.940	244.940	240.000					Bổ sung 143,5 tỷ đồng từ 02 nguồn: nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW năm 2017 cho NSDP: 72,798 tỷ đồng; nguồn NSTT: 70,702 tỷ đồng
3	Y tế	687.120	97.920	589.200					
4	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	322.660	218.540	104.120					Giảm 1 tỷ nguồn XSKT (bao gồm nguồn tặng thu NS tỉnh 2017, 2018)



KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 2016-2020

STT	LĨNH VỰC	Trong đó:							GHI CHÚ
		TỔNG KẾ HOẠCH	NSTT	XSKT (BAO GỒM NGUỒN TÀNG THỤ NGÂN SÁCH TÍNH 2017 là 50 tỷ và 2018 là 102.403 tỷ)	NGUỒN GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ, GIẢM TRÍCH QUỸ DỰ PHÒNG CỦA CÔNG TY XSKT	NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2017 CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2018	NGUỒN THOẢI VỐN NN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NĂM 2018	
5	Khoa học và công nghệ	149.100	108.060	41.040					
6	Khu dân cư, cụm dân cư biên giới	69.430	11.000	58.430					
7	Văn hóa - Thể thao - Xã hội	306.370	68.170	238.200					Bổ sung từ nguồn NSTT: 5 tỷ đồng
8	An ninh quốc phòng	395.220	317.000	78.220					
9	Trụ sở cơ quan, khác	397.935	270.105	127.830					Giảm 30 tỷ đồng nguồn NSTT
C	Thanh toán KL	188.820	88.820	100.000					Bổ sung từ nguồn NSTT: 6,5 tỷ đồng
II	HUYỆN QUẢN LÝ	4.232.071	805.918	3.326.153				100.000	Phụ lục II
1	Xây dựng nông thôn mới	1.954.797	22.000	1.854.797				100.000	Bổ sung 22 tỷ từ nguồn XSKT (bao gồm nguồn tăng thu NS tính 2017, 2018)
2	Phát triển thành phố, thị xã	917.485	500.000	417.485					
3	Hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia	124.500		124.500					
4	Đề án Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non tại vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2017-2020	98.000		98.000					
5	Hỗ trợ khác	1.137.289	305.918	831.371					
III	VỀ NGUỒN THU PHÍ SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN RA VÀO CỬA KHẨU	533.247	533.247						Phụ lục III



Phụ lục I

SỬA ĐỔI BỘ SÙNG DANH MỤC DỰ ÁN BỒ TRỢ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG-TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020 NGUỒN VỐN TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT (DA DC)	STT Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Lấy kế số vốn đã bố trí từ khỏan công đến hết năm 2015 (*)				Lấy kế giải ngân từ khỏan công đến hết ngày 31/12/2015				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 trước khi điều chỉnh				Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19							
	TỔNG SỐ					16.273.128	11.896.828	893.987	615.301	824.973	615.301	7.852.146	4.821.348	1.436.520	67.163	9.066.503	6.128.705								
A	Chuẩn bị đầu tư											80.000	80.000	88.000		168.000	168.000								
	<i>Trong đó:</i>																								
	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị Hoa Thành Thành (giai đoạn 1)	Hoa Thành		2020-2022		160.818	160.818											Bổ sung DA mới							
	Trầu dư ăn bãi thường giải phóng mặt bằng - đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài đoạn qua địa phận tỉnh Tây Ninh	Trảng Bàng, Gò Dầu, Bến Cầu		2020-2024		1.000.000	1.000.000											Bổ sung DA mới							
	Hợp phần dự án "Phát triển chuỗi giá trị rau quả ứng dụng công nghệ thông tin với khu Hậu tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025". Trong đó:																	Dự án sử dụng vốn vay ADB							
	1. Trạm bơm Dầu Tiếng 2	Tân Châu	Tươi 3.399 ha	2021-2025		615.000																			
	2. Trạm bơm Tân Hưng	Tân Châu	Tươi 1.270 ha	2021-2025		101.000																			
	3. Trung tâm dịch vụ kỹ thuật thiết bị vật tư nông nghiệp huyện Châu Thành	Châu Thành		2021-2025		170.000																			
	4. Trung tâm dịch vụ kỹ thuật thiết bị vật tư nông nghiệp huyện Tân Châu	Tân Châu		2021-2025		130.000																			
	5. Trung tâm thu gom nông sản (rau củ quả, trái cây)	D.M.Châu		2021-2024		300.000																			
B	Thực hiện dự án					16.273.128	11.896.828	893.987	615.301	824.973	615.301	7.859.826	4.559.028	1.342.020	67.163	8.709.683	5.771.885								
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG					8.969.397	7.219.660	531.389	285.724	462.375	285.724	3.918.840	2.232.210	726.900	-	4.645.740	2.959.110								
(2)	<i>Dự án khởi công mới trong giải đoạn 2016-2020</i>					6.546.030	5.976.333	-	-	-	2.312.750	1.873.750	726.900	-	3.039.650	2.600.650									
a	<i>Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giải đoạn 2016-2020</i>					2.164.830	1.884.411	-	-	-	1.712.750	1.443.750	379.900	-	2.092.650	1.825.650									
22	Cầu An Hòa	Trảng Bàng	cầu BTCT D/L, L=452,33m	2018-2021	1842/QĐ-UBND 24/7/2018	399.215	399.215	-	3.460	6.460	3.460	150.000	150.000	50.000	53.088	200.000	200.000	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng và đẩy nhanh tiến độ công trình theo đúng tiến độ được giao							
II	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT					2.477.639	1.359.912	6.460	3.460	6.460	3.460	922.958	337.958	200.070	53.088	1.069.940	484.940								
(2)	<i>Dự án khởi công mới trong giải đoạn 2016-2020</i>					1.682.640	564.913	-	-	-	-	883.508	298.508	200.070	53.088	1.030.490	445.490								

STT (DA DC)	STT (DA DC)	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015 (*)		Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi điều chỉnh		Ghi chú	
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
a		<i>Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020</i>					490.141	490.141	-	-	277.920	277.920	302.490	302.490					
25		Kênh tiêu Tân Phú - Tân Hưng	Tân Châu	Tiêu 1.485ha	2018-2020	474/QĐ-SKHDT ngày 27/10/2017	25.000	25.000			22.700	22.700	30.700	30.700	8.000		30.700		Tăng chi phí đến bù 10,2 tỷ đồng (phương án đến bù đang hoàn chỉnh trình cấp thẩm quyền phê duyệt)
34		Kênh tiêu Hội Thạnh	Tân Châu	tiêu 1700ha	2018-2020	489/QĐ-SKHDT ngày 27/10/2017	27.258	27.258			25.000	25.000	28.000	28.000	3.000		28.000		Tăng chi phí đến bù 3 tỷ đồng (phương án đến bù đang hoàn chỉnh trình cấp thẩm quyền phê duyệt)
51	3	Dự án phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi cây trồng xã Lộc Ninh, huyện DMC - HM: nao vét kết hợp làm đường giao thông nội đồng 02 kênh tiêu T1,2A, T1,2-17	xã Lộc Ninh, huyện Dương Minh Châu		2019-2021	1405/QĐ-UBND ngày 02/7/2019	13.352	13.352			8.730	8.730	12.230	12.230	3.500		12.230		Dự kiến điều chỉnh TMDT là 47 tỷ đồng
59	11	Tuổi tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông	Châu Thành, Bến Cầu, Trảng Bàng, Hòa Thành, Gò Dầu	Tuổi 17.000 ha	2018-2022	39/HĐND-KTNS ngày 24/3/2017	1.117.727	1.192.499	74.772		605.588	20.588	728.000	143.000	143.000		728.000	143.000	Dự án đã được giao 518,55 tỷ đồng/KH.2016-2020 nguồn TPCP là 585 tỷ đồng, cần bổ sung ngân sách tỉnh để thực hiện năm 2020
IV (2)		LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ ĐÀO NGHE					596.695	530.695	68.340	68.340	68.340	312.540	25.120	13.000	13.000		383.860	322.660	
b		<i>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</i>					456.099	390.099				284.080	25.120	13.000	13.000		355.400	294.200	
		<i>Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020</i>					109.144	91.144				24.880	25.120	13.000	13.000		53.000	35.000	
27		Trung tâm GDTX Châu Thành và trường THPT Châu Thành	Châu Thành	Xây mới	2020-2022	2645/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	12.000	12.000			1.000	1.000	-	-1.000			-		Dự án đang thực hiện do sau khi sáp nhập 2 trường: Trường THPT Châu Thành và Trường THPT Hoàng Văn Thụ thì đời dư một số phòng học và phòng bộ môn sẽ giao lại cho TTGDNN-GDTX Châu Thành sử dụng, nên không đầu tư dự án (theo đề nghị tại Công văn số 2164/SGDDĐT-KHTC ngày 26/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo)
VII (2)		LĨNH VỰC VĂN HÓA-THỂ THAO-XÃ HỘI					708.736	459.981	7.445	7.445	7.445	262.370	45.000	1.000	1.000		325.370	306.370	
b		<i>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</i>					610.370	370.052				198.440	45.000	1.000	1.000		242.440	223.440	
		<i>Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020</i>					252.919	168.580				51.000	38.000	-	-		89.000	89.000	
28		Di tích căn cứ Trảng Bàng vùng Tam giác sắt	Trảng Bàng		2018-2021	286/QĐ-SKHDT ngày 30/10/2018	20.000	20.000			10.000	10.000	15.000	15.000	5.000		15.000	15.000	Bổ trí đủ vốn để thực hiện dự án hoàn thành năm 2020





STT (DA DC)	STT (DA DC)	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Lấy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015 (*)		Lấy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
	IX	TRỤ SỞ CƠ QUAN, KHÁC					1.560.204	798.331	104.400	104.400	104.400	104.400	738.543	328.710	99.300	-29.925	800.768	397.935		
	(2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020					1.373.138	551.879	-	-	-	-	641.503	231.670	81.300	(29.925)	685.728	282.895		
	a	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020					923.179	359.851	-	-	-	-	641.503	231.670	22.300	(29.925)	626.728	223.895		
62	8	Lập quy hoạch ngành	toàn tỉnh				31.000	31.000					30.000	30.000		-30.000	-	-	Sử dụng kinh phí thường xuyên để thực hiện	



Phụ lục II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020 NGUỒN VỐN TỈNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU CHO HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số **13** ngày **06** tháng **12** năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HTT	Quyết định đầu tư				Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015 (*)				Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/12/2015				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 trước khi điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP tính	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19			
	TỔNG SỐ					3.273.217	3.348.131	135.000	147.200	147.200	147.200	2.981.294	2.966.294	1.348.702	152.070	4.247.671	4.232.071				
A	XÂY DỰNG NÔNG-THÔN MỚI											1.335.794	1.335.794	619.003	69.145	1.954.797	1.954.797				
2	Hòa Thành											168.803	168.803	15.000		183.803	183.803				
	- Các xã thuộc 45 xã dân cư giải																				
	đoạn 2016-2020 đã ban hành																				
	- Bổ sung đầu tư XD xã Hiệp Tân																				
	Thạnh																				
5	Trảng Bàng											209.991	209.991	7.000		216.991	216.991				
	- Các xã thuộc 45 xã dân cư giải																				
	đoạn 2016-2020 đã ban hành																				
	- Bổ sung đầu tư XD xã Hưng																				
	Thạnh																				
F	HỖ TRỢ KHÁC																				
III	HUYỆN CHÂU THÀNH																				
(2)	Dự án khởi công mới trong giai																				
	đoạn 2016-2020																				
a	Dự án dự kiến hoàn thành và																				
	ban giao đưa vào sử dụng giai																				
	đoạn 2016-2020																				
23	Trường mẫu giáo Thanh Điền B	Thanh Điền	Khởi 04 phòng học, công, hàng rào, nhà thường trực, khởi nhà ăn, nhà xe, đài nước, bể PCCC, san lấp MIB, trang thiết bị	2019-2020		14.500	14.500	-	-	-	-	82.250	82.250	-4.000		9.000	9.000				
25	Trường THCS Đồng Khởi	Đồng Khởi	Xây mới phòng, nâng cấp sân trường bê tông	2019-2020		4.500								4.000		4.000	4.000				

Ngân hàng
TMCP
Ngoại
thương VN
Chi nhánh
TN tài trợ 4
tỷ đồng

Bổ sung
DA mới